TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*** ----------
Bản án số: 247/2022/DS-PT Ngày: 15/7/2022 ***V/v:*** "Tranh chấp thừa kế tài sản"	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Như Lâm
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái
Ông Trương Chí Anh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Trang – Thư ký Toà án nhân nhân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2022/TLPT-DS ngày 27/4/2022 về: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 112/2021/DS-ST ngày 04/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2022/QĐ-PT ngày 07/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Hạnh; sinh năm: 1949; địa chỉ: Số 9/31/164 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Đức Thắng; sinh năm: 1985; địa chỉ: 25 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có bà Hồ Thúy Sen là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Vũ Hải Tần; sinh năm: 1950; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Vũ Hồng Phong; sinh năm: 1944; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Bà Vũ Thị Phi; sinh năm: 1947; địa chỉ: Hẻm 477, đường Nguyễn Thái Học, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; vắng mặt tại phiên tòa.

3.3. Bà Vũ Thị Lương; sinh năm: 1958; địa chỉ: Thôn Trung Dương, xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3.4. Bà Vũ Thị Hanh; sinh năm: 1950; địa chỉ: Số 49, ngõ 172, Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3. 5. Chị Vũ Lan Hương; sinh năm: 1992; địa chỉ: Số 12, ngõ 89, phố Thanh Lân, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3.6. Anh Vũ Đức Hiếu; sinh năm: 2000; địa chỉ: Số 12, ngõ 89, phố Thanh Lân, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3.7. Bà Vũ Thị Điển; sinh năm: 1950; địa chỉ: Số 350, phố Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Điển có bà Lê Thị Hồng Nhung; sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 14 ngách 111/33 Lâm Hạ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 17/7/2021); có mặt tại phiên tòa.

3.8. Ông Vũ Văn Hán; sinh năm: 1961; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn Hán có ông Vũ Hải Tần (văn bản ủy quyền ngày 08/4/2021); ông Tần mặt tại phiên tòa.

3.9. Ông Trần Văn Phúc; sinh năm: 1958; địa chỉ: Tổ 8, Trại Rau, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; vắngmặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Phúc có ông Vũ Hoàng Hiệp; sinh năm: 1985 (văn bản ủy quyền ngày 28/6/2021); địa chỉ liên hệ: số 14 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; ông Hiệp có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn Phúc có Luật sư Nguyễn Văn Quang - Văn phòng luật sư Gia Bảo - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: 23/84 phố Trần Quang Diệu, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; Luật sư Quang có mặt tại phiên tòa.

3.10. Bà Vũ Thị Ánh; sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Ánh là ông Vũ Hải Tần (văn bản ủy quyền ngày 22/3/2021); bà Lê Thị Hồng Nhung; sinh năm: 1975 (văn bản ủy quyền ngày 21/7/2021); địa chỉ liên hệ: số 14 ngách 111/33 Lâm Hạ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; ông Tần, bà Nhung có mặt tại phiên tòa.

3.11. Bà Phạm Thị Lê; sinh năm: 1960; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

3.12. Bà Đỗ Thị Hải; sinh năm: 1972; địa chỉ: Số 12, ngõ 89, phố Thanh Lân, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3.13. Anh Vũ Tiến Dũng; sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

3.14. Chị Phạm Thị Nga; sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

3.15. Cháu Vũ Thu Ngân; sinh năm: 2014; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3.16. Cháu Vũ Thu Trang; sinh năm: 2019; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3.17. Cháu Vũ Bảo Châu; sinh năm: 2021; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Ngân, Trang, Châu là anh Vũ Tiến Dũng và chị Phạm Thị Nga là bố mẹ của các cháu; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

3.18. Anh Vũ Tiến Thanh; sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

3.19. Chị Nguyễn Thị Nhàn; sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

3.20. Cháu Vũ Quỳnh Anh; sinh năm: 2010; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3.21. Cháu Vũ Nguyên Bảo; sinh năm: 2014; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Quỳnh Anh và cháu Bảo là anh Vũ Tiến Thanh và chị Nguyễn Thị Nhàn là bố mẹ của hai cháu; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

3.22. Chị Vũ Thị Hồng Lĩnh; sinh năm: 1979; địa chỉ: Số 5, tổ 5, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Dũng, chị Nga, anh Thanh, chị Lĩnh là ông Vũ Hải Tần (văn bản ủy quyền ngày 25/11/2021); ông Tần có mặt tại phiên tòa.

3.23. Bà Nguyễn Thị Cúc; sinh năm: 1925; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3.24. Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật ông Đinh Văn Giảng - chức vụ: Chủ tịch UBND xã; người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Thanh - chức vụ Phó chủ tịch UBND xã Kiêu Kỵ; ông Thanh có đơn xin vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Vũ Thị Hạnh là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn trình bày:

Cụ Vũ Văn Ngôn (chết năm 1948) có hai vợ là cụ Nguyễn Thị Vát (chết năm 1951) và cụ Nguyễn Thị Sửu (chết năm 1952).

Cụ Ngôn với cụ Vát có 01 người con trai là ông: Vũ Văn Luân (chết năm 1948) có vợ là bà Nguyễn Thị Thơ (chết năm 1952) và có 01 người con là ông Vũ Hồng Phong có vợ là bà Trương Thị Phận.

Cụ Ngôn với cụ Sửu có 03 người con là ông Vũ Văn Thứ (chết năm1983) có vợ là bà Nguyễn Thị Phụng (chết năm 1987), ông bà có 05 người con, gồm: Vũ Thị Phi, Vũ Thị Hanh, Vũ Thị Lương, Vũ Thị Ánh, Vũ Văn Tăng (chết năm 2015) có vợ là Đỗ Thị Hải và có hai con là Vũ Lan Hương, Vũ Đức Hiếu; ông Vũ Văn Tự (chết năm 1985) có vợ là bà Nguyễn Thị Tích (chết năm 1984), ông bà có 03 người con là Vũ Thị Điển, Vũ Hải Tần, Vũ Văn Hán; ông Vũ Văn Tu (là liệt sĩ hy sinh năm 1948), có vợ là bà Nguyễn Thị Cúc có con là Vũ Thị Hạnh. Bà Cúc sau đó tái giá năm 1956.

Về tài sản của các cụ gồm: Ông Luân được 01 thửa đất ở có 01 ao liền kề; ông Thứ được 01 thửa đất ở có 01 ao liền kề, ông Tự và ông Tu được chia ở chung ở một mảnh đất tại thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội. Ông Tự chia 01 ao liền kề với đất ở, ông Tu được chia 01 ao không liền kề. Thời điểm cải cách ruộng đất ao của ông Luân, ông Tự, ông Thứ được Nhà nước công hữu hóa, ao của ông Tu là liệt sĩ nên không bị công hữu hóa.

Ông Tu và bà Cúc sinh sống trên mảnh đất được các cụ chia chung với ông bà Tự. Khi ông Tu hy sinh bà Cúc và bà Hạnh vẫn sống chung với gia đình ông Tự. Khi bà Cúc tái giá thì bà Hạnh sống chung ông Tự. Sau đó bà Hạnh đi học nước ngoài và lấy chồng. Tài sản nhà đất vẫn do ông Tự sử dụng và trông nom. Đến năm 1993, bà Hạnh được ông Tần giao lại phần tài sản của ông Tu mà ông Tần đang quản lý. Bà Hạnh vẫn nhờ ông Tần trông nom hộ do chưa có điều kiện về ở hẳn. Năm 1996 bà Hạnh về nhận lại tài sản của mình là đất ở và đất ao nhưng ông Tần không trả vì cho rằng đó là sản riêng của ông Tần.

Tài sản chia cho ông Tự, ông Tu 01 nhà 05 gian nằm trên diện tích đất 784m2, tờ bản đồ số 11, thửa số 30 bản đồ năm 1983 – 1986 là tài sản chung của ông Tự, ông Tu. 01 ao riêng của ông Tu hiện nay đang đứng tên bà Phạm Thị Lê (là vợ ông Tần), diện tích 411m2, tờ bản đồ số 63, thửa số 13 bản đồ năm 1993 – 1994.

Bà Hạnh đề nghị chia tài sản thừa kế là 378m2 đất ở và 411m2 đất ao theo quy định của pháp luật. Ngày 15/6/2021 Bà Hạnh yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện: Yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng đất ao giữa ông Tần với ông Phúc.

Bà Sen đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Hạnh vì tài sản là đất ở và đất ao là di sản của ông Tu.

- Bị đơn ông Vũ Hải Tần đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Hán, anh Thanh, anh Dũng, chị Lĩnh, chị Nga, bà Ánh trình bày:

Cụ Ngôn, cụ Vát, cụ Sửu có tạo dựng được khối tài sản duy nhất là 01 ngôi nhà ngói 05 gian, 2 gian buồng 2 bên và 01 ngôi nhà ngang 06 gian mái tranh. 3 cụ và 4 người con trai cùng các con dâu đều sống trên nhà đất này. Do cụ Ngôn, cụ Vát, cụ Sửu, ông Luân (con trưởng) và ông Tu (con út) đều chết sớm nên chỉ còn vợ chồng ông Thứ và các con sinh sống, thờ cúng tổ tiên, ông bà tại nhà đất

này. Sau khi vợ chồng ông Thứ chết con gái ông là Vũ Thị Ánh vẫn tiếp tục sống tại nhà đất này thờ cúng tổ tiên và ông bà Thứ. Thửa đất này chưa được các cụ Ngôn, Vát, Sửu chia rõ ràng cho các con. Khoảng vào năm 1994 ông Phong đã đòi toàn bộ nhà đất tổ tiên buộc gia đình chị Ánh phải trả nhà đất và chuyển chỗ ở khác. Hiện nay, một mình ông Phong sử dụng toàn bộ thửa đất của các cụ để lại thì không công bằng với các con cháu khác của cụ Ngôn.

Còn về thửa đất hiện nay vợ chồng ông Tần đang sử dụng là do ông bà Tự đã khai hoang đất công mà có từ trước những năm 1950. Ông bà Tự đã tạo dựng được 01 ngôi nhà tranh 3 gian và 01 gian buồng, vườn cây. Các con ông bà Tự đều được sinh ra, lớn lên tại ngôi nhà này.

Năm 1979 ông Tần lấy vợ và tiếp tục chung sống cùng bố mẹ. Năm 1984 do căn nhà của bố mẹ để lại hư hại. Vợ chồng ông Tần tháo dỡ xây dựng lại và sử dụng làm nơi ở của gia đình ông cho đến nay không có ai tranh chấp. Ngoài diện tích đất ở của gia đình ông Tần từ trước năm 1950. Về phần đất ao cũng có từ trước năm 1950 do bố mẹ ông và sau này vợ chồng ông Tần khai phá nên có diện tích 411m2. Sau khi bà Phạm Thị Lê về làm vợ ông Tần cùng mẹ đẻ thả bèo nuôi lợn, trên bờ thì trồng tre. Sau đã kê khai sử dụng đất với nhà nước năm 1985, địa phương có đi đo đạc bản đồ, vợ ông Tần là người đứng ra kê khai đất ao và được đứng tên trong bản đồ địa chính từ năm 1985. Năm 2002 gia đình ông Tần đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Phúc; địa chỉ: Tổ 8, Trại Rau, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Việc mua bán có đến UBND xã Kiêu Kỵ để làm thủ tục.

Phần quan hệ huyết thống ông Tần nhất trí với phần trình bày của bà Hạnh.

Nay bà Hạnh làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Tu là đất ở và đất ao, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ao, ông Tần đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà Hạnh.

Ông Tần đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của ông Vũ Hồng Phong và giám định gen để xác định quan hệ huyết thống của bà Vũ Thị Hạnh.

Bà Lê, bà Nhung là người đại diện theo ủy quyền của bà Điển, bà Ánh, ông Quân là Luật sư, anh Dũng, chị Nhàn nhất trí với phần trình bày của ông Tần.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trần Văn Phúc trình bày: Ngày 02/10/2002 ông Phúc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 405m2 đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63, thuộc thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ của vợ chồng ông Vũ Hải Tần và bà Phạm Thị Lê. Ông Phúc thanh toán 607.500.000 đồng theo thỏa thuận, bên bán giao quyền sử dụng đất. Việc chuyển nhượng được UBND xã Kiêu Kỵ xác nhận. Năm 2004 ông Phúc xây dựng tường bao, san lấp, trồng cây cối. Năm 2009 ông kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nộp thuế quyền sử dụng đất, UBND xã đã xác lập hồ sơ sử dụng đất, lập mã số thuế sử dụng đất. Tuy nhiên do bà Hạnh đang tranh chấp với vợ chồng ông Tần về đất thừa kế nên ông Phúc chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 26/6/2021, ông Phúc có

đơn yêu cầu độc lập; ngày 11/12/2021, ông Trần Văn Phúc có đơn rút đơn yêu cầu độc lập. Ông đề nghị Tòa bác yêu cầu của bà Hạnh về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với vợ chồng ông Tần, công nhận hợp này để ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Hiệp, ông Quang nhất trí với phần trình bày của ông Phúc.

Bà Vũ Thị Điển, ôngVũ Văn Hán trình bày: thống nhất với lời trình bày của ông Vũ Hải Tần là bị đơn.

Ông Vũ Hồng Phong trình bày nội dung như phần của trình bày của bà Hạnh, ông Phong không yêu cầu đề nghị gì.

Bà Nguyễn Thị Cúc trình bày: Khi bà Cúc lấy ông Tu (lúc 19 tuổi). Năm 1948 ông Tu do hoạt động cách mạng đã hy sinh. Năm 1949 sinh cháu Hành (nay là Hạnh), khi cháu Hạnh lên 8 tuổi thì bà Cúc tái giá (đi lấy chồng). Gia đình bên nội giữ cháu Hạnh lại không cho bà Cúc nuôi. Khi bà Cúc về làm dâu luôn chăm sóc mẹ chồng (gồm mẹ già tên là Vát và mẹ trẻ là Sửu) cho đến khi các cụ lần lượt qua đời. Bà Cúc cùng các anh chị em bên chồng lo thuốc men chăm sóc và ma chay chu đáo. Điều này được hàng xóm, họ tộc ghi nhận. Về nhà ở và tài sản: Khi bà Cúc lấy ông Tu thì được mẹ chồng chia cho ở chung nhà 05 gian với vợ chồng anh Tự. Mỗi chị em riêng một gian buồng ở hai đầu, còn 03 gian nhà giữa là sinh hoạt chung của cả hai nhà (nhà ông Tự và nhà ông Tu). Ngoài nhà 05 gian trên còn sân gạch+ một bếp và 01 chuồng trâu (diện tích khoảng trên 02 sào đất). Về ao: Ông Luân nhà trên được chia 01 ao dài + vườn cau; ông Thứ được chia 01 ao giữa có cây Vối; ông Tự 01 ao tròn, gần nhà bà Thúc; ông Tu 01 ao cuối đằng đồng, thường gọi là "Ao con ông Tu". Khi bà cúc tái giá năm 1957 thì cháu Hạnh ở với ông Tự, vẫn ở nơi nhà 05 gian mà ông bà nội (Bố mẹ chồng bà Cúc) chia cho vợ chồng ông Tự và vợ chồng bà Cúc. Về thủ tục giấy tờ, các cụ không để lại gì chỉ nói miệng và giao cho hai cặp vợ chồng (Tự và Tu) cùng ở. Năm 1948 ông Tu hy sinh, bà Cúc vẫn ở nhà 05 gian cùng vợ chồng người anh bên chồng (ông Tự). Sau đó năm 1949 thì sinh cháu Hạnh. Ngoài chia nhà ao nói trên bố mẹ chồng bà Cúc còn chia cho ông Tự 01 sào ruộng (ngoài đồng), để sau này ông Tự ra đó làm nhà, nhà 05 gian mà lúc đó có ông Tự và ông Tu đang ở (việc sử dụng lúc đó chỉ là tạm thời). Sau khi bà Cúc tái giá, cháu Hạnh được ông bà Tự nuôi và sống tại nhà 05 gian + đất mà các cụ đã chia cho ông Tự và ông Tu. Đến năm 1964 – 1968 cháu Hạnh được Nhà nước cho đi học nước ngoài. Sau đó cháu về nước và xây dựng gia đình và ở luôn Hà Nội. Toàn bộ nhà 05 gian+đất+ao trong đó có cả ao con ông Tu đều do ông Tự quản lý, trông coi, sử dụng. Trong đó có phần nhà đất và ao ông Tu mà các cụ đã chia cho như nói trên. Về phần quyền lợi được hưởng thừa kế bà nhượng lại cho bà Hạnh;

Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ trình bày: Phần đất ở hiện nay ông Vũ Hải Tần đang quản lý, sử dụng: Bản đồ đo vẽ năm 1975, không có sổ lưu trữ. Vị trí thửa đất ông Tần đang sử dụng có nhà ở thuộc thửa số 95, diện tích 784m^2. Bản đồ đo vẽ CT299 năm 1983 – 1986, có sổ lập kèm theo (không có dấu), tờ bản đồ số 11, thửa số 30, diện tích 784m^2. Sổ lập kèm theo Vũ Văn Tần. Bản đồ đo vẽ năm

1993 – 1994. Tờ bản đồ số 63, thửa số 16, diện tích 723m^2 tên ghi Phạm Thị Lê là vợ ông Tần; phần đất ao: Bản đồ đo vẽ năm 1975 không có sổ lưu trữ. Thời kỳ này trên bản đồ là ao công thuộc thửa số 96 diện tích 3728m^2; Bản đồ đo theo CT 299 năm 1983 – 1986, có sổ lập kèm theo, tờ bản đồ số 11, thửa số 10, diện tích 3788m^2. Thời kỳ này trên bản đồ là ao công; Bản đồ đo vẽ năm 1993 – 1994. Tờ bản đồ 63, thửa số 13, diện tích 411m^2 tên ghi Phạm Thị Lê. Năm 2002 gia đình ông Tần bà Lê chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất số 13 cho ông Trần Văn Phúc.

Về mốc giới: Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ và vợ chồng ông Tần thống nhất ranh giới giữa đất công và đất vợ chồng ông Tần sử dụng, có sơ đồ kèm theo. Theo đó vợ chồng ông Tần sử dụng diện tích là 791m^2, ngoài ra là đất công.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của đương sự theo quy định của pháp luật; về phần đất ao đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi các bên ký kết hợp đồng.

Bà Vũ Thị Lương trình bày: Bà Lương làm đơn từ chối quyền thừa kế của bà trong khối tài sản cụ Vát, cụ Sửu, cụ Ngôn để lại cho ông Vũ Văn Tự và ông Vũ Văn Tu. Sau này bà không tranh chấp gì đối với tài sản trên.

Bà Vũ Thị Phi, bà Vũ Thị Hanh, bà Đỗ Thị Hải, anh Vũ Đức Hiếu, chị Vũ Lan Hương không gửi ý kiến bằng văn bản của mình cho Tòa án mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ.

- Người làm chứng trình bày:

Ông Nguyễn Văn Hanh nguyên là chủ nhiệm HTX nông nghiệp từ năm 1977 đến năm 1986 xác nhận: Trong thời gian vào HTX bà Hạnh có cái ao diện tích 288 m^2 cùng khoảnh đất ở không đưa vào công hữu mà gia đình bà Hạnh vẫn sử dụng từ trước tới nay. Nguồn gốc đất là của cha ông để lại là ông Vũ Văn Tu là liệt sĩ;

Ông Nguyễn Trọng Kim nguyên là cán bộ địa chính khai: Sổ mục kê có trang ghi Vũ Văn Tần 400m^2 Hành 384m^2 lập năm 1980 là chữ viết của ông Kim. Lý do là ông Tự có gặp và nói với ông Kim là về phần đất - nhà cửa ông Tu (liệt sĩ) tách mảnh đất 784 m^2 cho con trai (ông Tần) 400 m^2 còn để cho chị Hạnh (Tức Hành- con ông Tu) 384 m^2. Ông Kim nghĩ ông Tự cũng là chỗ lo xa và có trách nhiệm với con cháu nhờ ông ghi tách ra cho cụ thể;

Ông Đinh Quang Chinh nguyên là cán bộ địa chính khai: Trong sổ mục kê có dòng chữ " Tần 400, Vũ Thị Hạnh 384", ông không để ý nên khó xác định. Tuy nhiên việc đó chỉ có thể do cán bộ địa chính trước ghi.

Ông Chu Hoàng Phẩm, ông Vũ Văn Uyên trình bày nội dung tương tự phần trình bày của bà Hạnh;

Người làm chứng (do ông Tần cung cấp), gồm các ông bà: Ông Hưởng, bà Tẩy, ông Chí, ông Chỉ, ông Hạnh, bà Tộ, ông Thắng, bà Lục, bà Viết, ông Long, ông Y, ông Đắc thống nhất trình bày: Về tài sản của các cụ Ngôn, Vát, Sửu được bố mẹ kể lại khi còn sống 3 cụ có tạo dựng được khối tài sản duy nhất là 01 ngôi nhà ngói 05 gian, 2 gian buồng 2 bên và 01 ngôi nhà ngang 06 gian mái tranh. 3

cụ và 4 người con trai cùng các con dâu đều sống trên nhà đất này. Do cụ Ngôn, cụ Vát, cụ Sửu, ông Luân (con trưởng) và ông Tu (con út) đều chết sớm nên chỉ còn vợ chồng ông Thứ và các con sinh sống, thờ cúng tổ tiên, ông bà tại nhà đất này. Sau khi vợ chồng ông Thứ chết con gái ông là Vũ Thị Ánh vẫn tiếp tục sống tại nhà đất này thờ cúng tổ tiên và ông bà Thứ. Các ông bà được biết thì thửa đất này chưa được các cụ Ngôn, Vát, Sửu chia rõ ràng cho các con. Khoảng vào năm 1994 ông Phong đã đòi toàn bộ nhà đất tổ tiên buộc gia đình chị Ánh phải trả nhà đất và chuyển chỗ ở khác. Hiện nay, một mình ông Phong sử dụng toàn bộ thửa đất của các cụ để lại thì không công bằng với các con cháu khác của cụ Ngôn. Còn về thửa đất hiện nay vợ chồng ông Tần đang sử dụng các ông bà được biết và xác nhận là do ông bà Tự đã khai hoang đất công mà có từ những năm 1950. Ông bà Tự đã tạo dựng được 01 ngôi nhà tranh 3 gian và 01 gian buồng, vườn cây. Các con ông bà Tự đều được sinh ra, lớn lên tại ngôi nhà này. Các cháu ông Phong, bà Lạng, bà Tẩy, bà Lục, ông Bình (đã chết), bà Hành đều được ông bà Tự nuôi từ nhỏ đến khi trưởng thành sống tại ngôi nhà này. Sau khi ông bà Tự chết đã để lại nhà đất này cho con trai trưởng là ông Vũ Hải Tần sử dụng và làm nơi thờ cúng ông bà Tự như hiện nay.

Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Hạnh

1. Giao cho bà Vũ Thị Hạnh 120.7 m^2 đất sử dụng riêng và 11 m^2 đất sử dụng chung; trên đất có 01 công trình vệ sinh, một tường rào tôn, một tường rào B40; địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. (Có sơ đồ kèm theo).

Vợ chồng ông Tần có trách nhiệm bàn giao tài sản trên cho bà Vũ Thị Hạnh.

Bà Hạnh có trách nhiệm trả vợ chồng ông Tần số tiền 15.011.836 đồng giá trị tài sản trên đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế là 411m^2 đất ao và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ao giữa ông Vũ Hải Tần và ông Trần Văn Phúc của bà Vũ Thị Hạnh.

3. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ao giữa ông Vũ Hải Tần với ông Trần Văn Phúc.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 17/12/2021, nguyên đơn là bà Vũ Thị Hạnh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 112/2010/DS-ST ngày 04/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà Vũ Thị Hạnh trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bà Hạnh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về di sản cụ Tu

để lại gồm có có diện tích ao là 411m^2 là di sản của cụ Tu để lại và chia thừa kế di sản này cho bà Hạnh, bà Hạnh cũng yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Vũ Hải Tần với ông Trần Văn Phúc. Bà Hạnh cũng trình bày bà không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thẩm định, định giá lại tài sản đang tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hạnh là trợ giúp viên pháp lý Hồ Thúy Sen thống nhất với lới trình bày của bà Hạnh không bổ sung gì thêm.

Bị đơn là ông Vũ Văn Tần trình bày ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị Hạnh, ông đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 112/2021/DS-ST ngày 04/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã xử. Ông Tần cũng trình bày ông không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thẩm định, định giá lại tài sản đang tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Lê thống nhất với lời trình bày của ông Tần.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ánh là bà Lê Hồng Nhung thống nhất với lời trình bày của ông Tần.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn Phúc là Luật sư Quang trình bày luận cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phúc và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm các vấn đề liên quan đến quyền lợi của ông Trần Văn Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Phúc là ông Hiệp thống nhất với lời trình bày của Luật sư Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên sửa bản án sơ thẩm số 112/2021/DS-ST ngày 04/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm theo hướng tăng diện tích đất ở chia cho bà Hạnh tương xứng với kỷ phần thừa kế; việc tính công sức của gia đình ông Tự, ông Tần tối đa chỉ 50% đối với diện tích đất mà bà Hạnh yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Về yêu cầu của ông Tần đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm đưa thêm những người làm chứng đứng về phía ông Tần ở tại phiên tòa sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của ông Tần là có căn cứ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo đúng các quy định của các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm ông Tần, bà Điển, ông Hán, bà Ánh, bà Lê đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm giám định gen để xác định quan hệ huyết thống của bà Vũ Thị Hạnh; Hội đồng xét xử xét thấy sau khi có đơn đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ thể hiện qua các lới khai của người làm chứng xác định thời điểm bà Hạnh (tức Hành) sinh năm 1948; tại phiên tòa sơ thẩm ông Vũ Hải Tần có ý kiến "…Phần quan hệ huyết thống ông Tân nhất trí với phần trình bày của bà Hạnh…"; cũng tại phiên tòa sơ thẩm sau khi Chủ tọa phiên tòa công bố biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ theo yêu cầu của Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện Gia Lâm xác định bà Hạnh sinh năm 1948, các tài liệu khác đều thừa nhận bà là con ông Tu, mặt khác mẫu giám định không có nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu này, Chủ tọa có hỏi Ông Tần, bà Lê, chị Nhung có ý kiến gì không? Những người này đều không có ý kiến gì. Ông Tần tham gia vụ án với tư cách là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Hán, bà Ánh; chị Nhung là người đại diện theo ủy quyền của bà Điển, bà Ánh. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Tần, bà Điển, ông Hán, bà Ánh, bà Lê đều không kháng cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của các đương sự là có căn cứ. Việc bà Hạnh sinh năm 1948 hay năm 1949 theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án sẽ được giải quyết khi bà Hạnh có yêu cầu thay đổi liên quan đến quyền nhân thân của bà Hạnh.

Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm ông Tần, bà Điển, ông Hán, bà Ánh, bà Lê đề nghị Tòa án và xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản của ông Vũ Hồng Phong; Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập được hai bản án dân sự sơ thẩm số 23/DSST ngày 30/7/1994 do Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xử và bản án dân sự phúc thẩm số 34/DSPT ngày 09/3/1996 do Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử nội dung các bản án này xác định toàn bộ tài sản do ông Vũ Hồng Phong đang quản lý sử dụng là của cụ Vũ Văn Luân bố đẻ ông Phong; bản án phúc thẩm này đã có hiệu lực pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của các đương sự là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự trong vụ án không có đề nghị gì về việc đưa thêm người vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hay có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập khi Toà án giải quyết vụ án. Tất cả các đương sự trong vụ án không có khiếu nại thắc mắc gì về việc định giá tài sản và số đo đối với diện tích đất đang có tranh chấp.

[2]. Về hình thức: Nguyên đơn là bà Vũ Thị Hạnh làm đơn kháng cáo trong hạn luật định về hình thức là hợp lệ.

[3]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Vũ Thị Hạnh

3.1. Về yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Vũ Thị Hạnh

Về thời hiệu thừa kế: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm và theo hướng dẫn tại mục I về dân sự Giải đáp một số vấn đề về

nghiệp vụ ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì đến nay về thời hiệu khởi kiện về thừa kế đối với phần tài sản của cụ Vũ Văn Tu để lại vẫn còn thời hiệu. Cụ Vũ Văn Tu là liệt sỹ hy sinh ngày 01/7/1948 khi chết cụ Tu có vợ là cụ Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1924 và con là bà Vũ Thị Hạnh (tức Hành), sinh năm 1949 thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Tu để lại là ngày 01/7/1948. Ngày 09/12/2019, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn khởi kiện của bà Hạnh yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Tu nên đơn khởi kiện của bà Hạnh nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Do cụ Tu chết không để lại di chúc nên việc xem xét chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật là phù hợp với Điểm a Khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quan hệ huyết thống: Các đương sự thống nhất xác định

Cố Vũ Văn Ngôn, chết năm 1943 có hai vợ là cố Nguyễn Thị Vát, chết năm 1952 và cố Nguyễn Thị Sửu, chết năm 1949.

Cố Ngôn với cố Vát có 01 người con trai là cụ Vũ Văn Luân, sinh năm 1918, cụ Luân chết năm 1947 có vợ là cụ Nguyễn Thị Thơ, chết năm 1952; hai cụ có 01 người con là ông Vũ Hồng Phong, ông Phong, sinh năm 1944 có vợ là bà Trương Thị Phận, sinh năm 1946.

Cố Ngôn với cố Sửu có 03 người con là:

- Cụ Vũ Văn Thứ, sinh năm 1917, chết năm 1983 có vợ là cụ Nguyễn Thị Phụng, chết năm 1987; hai cụ có 05 người con chung, gồm:

Bà Vũ Thị Phi, sinh năm 1947.

Bà Vũ Thị Hanh, sinh năm 1950.

Ông Vũ Văn Tăng, sinh năm 1954, chết ngày 24/6/2015 có vợ là bà Đỗ Thị Hải, sinh năm 1972; hai ông bà có 02 con là chị Vũ Lan Hương, sinh năm 1992; anh Vũ Đức Hiếu sinh năm 2000.

Bà Vũ Thị Lương, sinh năm 1958.

Bà Vũ Thị Ánh, sinh năm 1963.

- Cụ Vũ Văn Tự, sinh năm 1922, chết năm 1985 có vợ là cụ Nguyễn Thị Tích, chết năm 1984; hai cụ có 03 người con chung gồm:

Bà Vũ Thị Điển, sinh năm 1949.

Ông Vũ Hải Tần, sinh năm 1950.

Ông Vũ Văn Hán; sinh năm 1961.

- Cụ Vũ Văn Tu, sinh năm 1925 là liệt sĩ hy sinh ngày 01/7/1948, có vợ là cụ Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1924; hai cụ có con chung là bà Vũ Thị Hạnh, sinh năm 1949. Bà Cúc sau đó tái giá năm 1957.

Trong vụ án này bà Nguyễn Thị Hạnh có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Tu; các đương sự khác không có yêu cầu phản tố hay yên cầu độc lập nên Hội đồng xét xử xác định cụ Vũ Văn Tu là liệt sỹ hy sinh ngày 01/7/1948; xác định thời điểm mở di sản thừa kế của cụ Tu là ngày 01/7/1948; xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tu là cụ Cúc, bà Hạnh.

Về di sản thừa kế:

* Về yêu cầu chia thừa kề quyền sử dụng đất là 384m^2 có địa chỉ tại Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quá trình sử dụng theo hồ sơ địa chính thì: Phần đất ở hiện nay ông Vũ Hải Tần đang quản lý, sử dụng: Bản đồ đo vẽ năm 1975, không có sổ lưu trữ. Vị trí thửa đất ông Tần đang sử dụng có nhà ở thuộc thửa số 95, diện tích 784m2. Bản đồ đo vẽ CT299 năm 1983 – 1986, có sổ lập kèm theo (không có dấu), tờ bản đồ số 11, thửa số 30, diện tích 784m2. Sổ lập kèm theo Vũ Văn Tần. Bản đồ đo vẽ năm 1993 – 1994. Tờ bản đồ số 63, thửa số 16, diện tích 723m2 tên ghi Phạm Thị Lê là vợ ông Tần. Ngày 9/7/2021 Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất vợ chồng ông Tần đang sử dụng bao gồm cả đất công thì diện tích 861.6 m^2 theo ông Tần chỉ mốc giới, diện tích đất công là 922m^2. Ngày 29/11/2021, UBND xã Kiêu Kỵ làm việc với vợ chồng ông Tần hai bên thống nhất diện tích đất của gia đình ông Tần đang sử dụng là 791m^2, diện tích đất công 992.6m^2 (có sơ đồ kèm theo) lý do có sự thay đổi là trước đây khi đo đạc bản đồ địa chính không thông báo cho gia đình chứng kiến, chỉ mốc giới nên có sự sai lệch. Các hộ xung quanh không có tranh chấp và đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số đo thực tế phần diện tích đất ở là 791m^2 vì được UBND xã Kiêu Kỵ thừa nhận và người trực tiếp sử dụng đất đồng ý để làm căn cứ giải quyết vụ án là có cơ sở, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự và UBND xã Kiêu Kỵ.

Theo nội dung bản án phúc thẩm số 34/DSPT ngày 09/3/1996 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có nhận định: "…Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, có đủ căn cứ xác định: Sinh thời, cụ Ngôn cụ Vát. Cụ Sử đã gây dựng cho mỗi người con một cơ ngơi riêng biệt. Ông Vũ Văn Luân là con trưởng được các cụ cho ngôi nhà gạch 5 gian, dẫy nhà ngang 6 gian cùng công trình phụ trên diện tích đất 1009m^2…" và căn cứ vào các lời khai của ông Phong, ông Uyên, ông Phẩm, cụ Cúc thì khi còn sống cố Ngôn đã phân chia tài sản cho 4 người con trai là cụ Luân, hiện nay ông Phong đang sử dụng; cụ Thứ ở chỗ riêng biệt nhưng đã chuyển nhượng cho người khác; cụ Tự và cụ Tu ở chung một thửa đất, hiện nay vợ chồng ông Tần đang sử dụng. Lời khai này phù hợp thực tế ở địa phương nên có cơ sở kết luận khi còn sống 04 người con trai của các cụ đã được phân chia tài sản. Theo lời khai của ông Kim nguyên là cán bộ địa chính xác nhận vào năm 1983 cụ Tự đã đề nghị ông Kim ghi vào sổ địa chính dòng chữ Tần 400m^2, Hạnh 384m^2; như vậy là phân định cụ thể cho con mình và cháu mình quyền sử dụng đất đai. Mặc dù cụ Tự không có quyền tự phân định tài sản chung nhưng điều này thể hiện cụ Tự công nhận đây là tài sản chung giữa cụ Tự và cụ Tu phù hợp lời khai người làm chứng, phù hợp lời khai của cụ Cúc là vợ cụ Tu đã từng sinh sống trên diện tích đất này và phù hợp quá trình sử dụng đất của các đương sự. Cụ Tu có vợ là cụ Nguyễn Thị Cúc về tài sản chung giữa cụ Tu và cụ Cúc thì sau khi cụ Tu mất, năm 1957 cụ Cúc đi lấy

chồng khác; bản thân cụ Cúc trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án lấy lời khai cũng xác định tài sản của cụ Tu được bố mẹ chia là của cụ Tu.

Căn cứ chứng cứ nêu trên xác định được cụ Tu, cụ Tự được các cố chia chung cho diện tích đất nêu trên làm nơi ở nên được coi là tài sản chung, không phân định cụ thể nên xác định mỗi cụ là một nửa.

Vì vậy, vợ chồng ông Tần, bà Điển, ông Hán và những người làm chứng cho rằng diện tích đất 784m^2 là do cụ Tự, cụ Tích tự khai phá là không có căn cứ pháp luật.

Theo kết quả đo đạc xác định mốc giới như trên thì diện tích đất các cụ Tu, cụ Tự được quyền sử dụng là 791m^2 có địa chỉ tại thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội chia đôi là 395,5m^2. Trong vụ án này bà Vũ Thị Hạnh chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Tu để lại quyền sử dụng đất là 384m^2 theo như sổ địa chính nên xác định di sản của cụ Tu để lại là quyền sử dụng đất 384 m^2 có địa chỉ tại thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

* Về yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng diện tích đất ao tại tờ bản đồ số 63, thửa số 13 có địa chỉ tại Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Theo lời khai của ông Phẩm, ông Uyên, cụ Cúc, ông Phong khai thì các cố còn chia cho 04 người con trai 04 cái ao. Thời kỳ cải cách thì 03 ao là ao của các cụ Luân, cụ Thứ, cụ Tự bị công hữu, còn ao của cụ Tu không bị công hữu vì là liệt sỹ. Theo lời khai của ông Hanh là chủ nhiệm hợp tác xã xác nhận ao của cụ Tu có diện tích là 288m^2; theo lời khai của vợ chồng ông Tần thì từ trước năm 1950 mẹ ông Tần khai phá, sử dụng; năm 1979 mẹ ông và vợ ông là bà Lê vẫn tiếp tục sử dụng, khai phá nên có diện tích 411m^2 diện tích đất ao này, trên bờ trồng tre, còn lòng ao thả bèo. Năm 1993-1994 bà Lê kê khai diện tích đất ao này; mặt khác Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ cung cấp nguồn gốc đất ao này như sau: Bản đồ đo vẽ năm 1975 không có sổ lưu trữ. Thời kỳ này trên bản đồ là ao công thuộc thửa số 96 diện tích 3728m^2; Bản đồ đo theo CT 299 năm 1983 – 1986, có sổ lập kèm theo, tờ bản đồ số 11, thửa số 10, diện tích 3788m^2. Thời kỳ này trên bản đồ là ao công; Bản đồ đo vẽ năm 1993 – 1994. Tờ bản đồ 63, thửa số 13, diện tích 411m^2 tên ghi Phạm Thị Lê.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 17/10/2013, Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm đã ban hành quyết định số 2303/QĐ-CT; về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Hạnh và gia đình ông Tần. Theo báo cáo của UBND xã Kiêu Kỵ tại biên bản làm việc ngày 08/2/2013 thể hiện: thửa đất ao là đất của vợ chồng ông Ngôn. Ông bà chết thì ông Tu sử dụng ao. Ông Tu chết thì ông Tự sử dụng. Khi thực hiện chính sách công hữu hóa ao, thửa đất ao đã được công hữu hóa. Tuy nhiên do sự buông lỏng trong công tác quản lý đất đai qua các thời kỳ nên gia đình ông Tần (con ông Tự) vẫn sử dụng ao này và năm 2002 chuyển nhượng cho ông Phúc. Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm đã quyết định: việc bà Hạnh đề nghị giải quyết để được quyền sử dụng 288m2 đất ao tại

thửa đất số 13, tờ bản đồ 63 bản đồ xã Kiêu Kỵ đo vẽ năm 1993-1994 *là chưa đủ cơ sở để xem xét, giải quyết* vì bà Hạnh không cung cấp được tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất. Bà không kê khai sử dụng đất với nhà nước, không nộp thuế, không xác định được vị trí diện tích đất đề nghị giải quyết.

Ngày 02/6/2015, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số 2484/QĐ-UBND v/v giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Hạnh và ông Tần. Nội dung quyết định thể hiện: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đồng ý với quyết định số 2303/QĐ-CT ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Hạnh và ông Tần.

Theo quy định pháp luật về đất đai:

Mục 1 chương IV Quyết định số 201 – CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ quy định: Để thực hiện thông nhất quản lý ruộng đất, tất cả các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đều phải khai báo chính xác và đăng ký các loại ruộng đất mình sử dụng vào sổ địa chính của Nhà nước, Ủy ban nhân dân xã phải kiểm tra việc khai báo này.

Điều 2 Luật đất đai năm 1993 quy định: Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khoản 4 Điều 5 Luật đất đai năm 2003 quy định: Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua hình thức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với người đang sử dụng đất ổn định; quy định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

Khoản 9 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất ổn định mà không có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với thửa đất xác định;

Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, ba mươi năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.

Như vậy, trong hồ sơ quản lý đất đai cũng như quá trình sử dụng đất thì bà Hạnh không có tên cũng như thực tế không sử dụng diện tích đất ao nêu trên.

Căn cứ vào các phân tích trên có căn cứ để xác định quyền sử dụng 411m^2 (đo thực tế là 391m^2) đất ao tại tờ bản đồ số 63, thửa số 13 có địa chỉ tại Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội có nguồn gốc là do bố mẹ ông Tần, vợ chồng ông Tần là người khai phá, sử dụng nhiều năm và đăng ký trong hồ sơ quản lý đất đai ở địa phương nên cần phải được công nhận để bảo đảm quyền lợi chính đáng cho họ.

Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để xác định quyền sử dụng 411m^2 (đo thực tế là 391m^2) đất ao tại tờ bản đồ số 63, thửa số 13 có địa chỉ tại Thôn

Hoàng Xá, xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Tu để lại.

Phân chia di sản thừa kế:

Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thì mỗi m^2 đất có giá là: 10.000.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất là thì di sản của cụ Tu để lại là $384m^2$ x 10.000.000 đồng/$1m^2$ = 3.840.000.000 đồng.

Về công sức tôn tạo, duy trì bảo quản di sản căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ lời khai của bà Hạnh tại phiên tòa sơ thẩm thì cụ Tu mất năm 1948, cụ Cúc tái giá năm 1957, bà Hạnh từ nhỏ ở cùng bác ruột là cụ Vũ Văn Tự đến năm 1968 đi nước ngoài, năm 1969 về nước ở cùng bác ruột đến năm 1970 bà đi làm công nhân ở tập thể nhưng hàng tuần vẫn về sinh sống tại thôn Hoàng Xá, năm 1975 bà Hạnh xây dựng gia đình và sinh sống ở chỗ khác, bà Hạnh xác định bà và mẹ bà không công sức đóng góp gì đối với diện tích đất trên. Cụ Tự mất năm 1986, Cụ Tích mất năm 1984; ông Tần kết hôn với bà Lê năm 1979. Như vậy có đủ căn cứ để xác định di sản của cụ Tu để lại do vợ chồng cụ Tự, vợ chồng ông Tần quản lý, trông nom, tôn tạo, phát triển; bà Hạnh là do vợ chồng cụ Tự nuôi dưỡng nên cần phải trích công sức mới bảo đảm sự công bằng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm giữa bà Hạnh với gia đình ông Tần không tự xác định được nên Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức tôn tạo, duy trì bảo quản di sản cho vợ chồng cụ Tự, vợ chồng ông Tần để khấu trừ vào giá trị di sản thừa kế của cụ Tu để lại là phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định công sức tôn tạo, duy trì bảo quản di sản của cụ Tu cho vợ chồng cụ Tự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm những người thuộc thừa kế thừa nhất của cụ Tự và cụ Tích không yêu cầu gì; sau khi xét xử phúc thẩm những người này cũng không kháng cáo; gia đình ông Tần cũng có công sức trong quá trình tôn tạo, duy trì bảo quản di sản của cụ Tu hiện này đang là người trực tiếp quản lý di sản nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định trích công sức tôn tạo, duy trì bảo quản di sản cho gia đình ông Tần là 2.578.000.000 đồng là có căn cứ.

Như vậy sau khi khấu trừ công sức tôn tạo, duy trì bảo quản di sản của gia đình ông Tần; di sản của cụ Tu còn lại là: 3.840.000.000 đồng - 2.578.000.000 đồng = 1.262.000.000 đồng. Cụ Cúc có ý kiến tặng cho toàn bộ bà Hạnh (tức Hành) kỷ phần thừa kế được hưởng từ cụ Vũ Văn Tu nên bà Hạnh được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Tu là 1.262.000.000 đồng.

Chia hiện vật cụ thể như sau:

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào thực tế diện tích đất các đương sự đang quản lý sử dụng, trên đất hiện nay có xây dựng các công trình do đó khi phân chia bằng hiện vật cần giữ nguyên hiện trạng các công trình mà các bên đã xây dựng nằm trên phần diện tích đất các đương sự được chia thừa kế theo pháp luật để đảm bảo tính ổn định của công trình xây dựng và việc thi hành án sau này. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị Hạnh là nguyên đơn có yêu cầu đề nghị Tòa án chia kỷ phần thừa kế của mình đ□ợc h□ởng bằng hiện vật. Xét yêu

cầu của bà Vũ Thị Hạnh không trái pháp luật nên đ□ợc Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kỷ phần bà Hạnh được hưởng là 1.262.000.000 đồng. Chia bằng hiện vật 1.262.000.000 đồng : 10.000.000 đồng/1m^2 = 126.2 m^2. Bà Hạnh và gia đình ông Tần trích mỗi bên là 5.5 m^2 làm ngõ đi chung. Sau khi đối trừ bà Hạnh sử dụng riêng là 120.7 m^2, bà Hạnh và gia đình ông Tần cùng sử dụng chung là 11 m^2 ngõ chung (có sơ đồ kèm theo).

Trên phần đất bà Hạnh được giao có các tài sản do vợ chồng ông Tần xây dựng vẫn còn giá trị sử dụng, cụ thể: 01 công trình vệ sinh trị giá là 13.047.848 đồng, một tường rào tôn trị giá 906.938 đồng, một tường rào B40 trị giá: 1.057.050 đồng, tổng cộng 15.011.836 đồng, do đó bà Hạnh phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho vợ chồng ông Tần. Ngoài ra còn có một dàn bằng sắt (nằm trên đất của bà Hạnh), hai cánh cổng INOX (nằm ở ngõ đi chung) vợ chồng ông Tần không đề nghị nên không phải giải quyết. Các tài sản khác nằm trên đất bà Hạnh được chia không còn giá trị nên không giải quyết. Phần diện tích còn lại, vợ chồng ông Tần quản lý sử dụng

Ngoài việc vợ chồng ông Tần giao lại tài sản là đất và tài sản khác cho bà Hạnh thì tài sản còn lại như diện tích đất ở, các tài sản khác của cụ Tự, cụ Tích do ông Hán, bà Điển, vợ chồng ông Tần không có yêu cầu đề nghị gì nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ.

3.2. Về yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ao

Như đã phân tích ở trên không có căn cứ để xác định quyền sử dụng 411m^2 (đo thực tế là 391m^2) đất ao tại tờ bản đồ số 63, thửa số 13 có địa chỉ tại Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Tu để lại.

Ngày 02/10/2002, ông Trần Văn Phúc và ông Vũ Hải Tần cùng bà Phạm Thị Lê ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 405m^2 đất ao tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63, thuộc thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Hai bên đã nhận tiền và đất đầy đủ. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Phúc đã xây dựng tường xung quanh, đổ đất và trồng cây ăn quả, kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nộp thuế quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ đã xác lập hồ sơ sử dụng đất, lập mã số thuế sử dụng đất. Theo hợp đồng thì ông Tần, bà Lê là người ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng trong hồ sơ quản lý địa chính thì bà Lê là người kê khai quyền sử dụng đất ao; việc chuyển nhượng ông Hán, bà Điển biết việc này nhưng không phản đối nên được coi đồng ý chuyển nhượng cho ông Phúc.

Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tần với ông Phúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Kiêu Kỵ theo đúng quy định của pháp luật, căn cứ các Điều 705, 707, 708 Bộ luật Dân sự năm 1995 hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực pháp luật.

Do đó, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ao của bà Hạnh là không có căn cứ pháp luật. Ông Phúc yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng này là có căn cứ.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đương sự kháng cáo không đưa ra được các tài liệu, căn cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận kháng cáo. Hội đồng sửa một phần bản án sơ thẩm như nhận định ở trên.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa ngày hôm nay có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông Tần, bà Hạnh được miễn án phí dân sự sơ thẩm do đã trên 60 tuổi; ông Phúc không phải chịu án phí do đề nghị công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Tòa án chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 36 Pháp lệnh về thừa kế 1990;
- Căn cứ các Điều 705, 707, 708 Bộ luật Dân sự năm 1995;
- Căn cứ các Điều 236, 468, 612, 613, 614, 623, , 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ mục 1 Chương IV Quyết định số 201 – CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ;
- Căn cứ Điều 2 Luật đất đai năm 1993;
- Căn cứ Điều 5 Luật đất đai năm 2003;
- Căn cứ khoản 9 Điều 3 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ hướng dẫn tại mục I về dân sự Giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao

Xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 112/2021/DS-ST ngày 04/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội và quyết định cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Hạnh (tức Hành) đối với ông Vũ Hải Tần về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Vũ Văn Tu để lại theo pháp luật.

1.2. Xác định di sản của cụ Vũ Văn Tu để lại là giá trị quyền sử dụng 384 m^2 đất thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 63 bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 tại thôn

Hoàng Xã, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; có giá trị quyền sử dụng đất là 3.840.000.000.000 đồng.

1.3. Xác định cụ Vũ Văn Tu chết ngày 01/7/1948, thời điểm mở thừa kế của cụ Tu là ngày 01/7/1948.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tu gồm có: Cụ Nguyễn Thị Cúc, bà Vũ Thị Hạnh (tức Hành).

Xác định công sức quản lý, duy trì, bảo quản di sản thừa kế của gia đình ông Vũ Hải Tần là 2.578.000.000 đồng.

Xác định di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Tu còn lại là 1.262.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện cụ Nguyễn Thị Cúc tặng cho toàn bộ bà Vũ Thị Hạnh (tức Hành) kỷ phần thừa kế được hưởng từ cụ Vũ Văn Tu.

Xác định kỷ phần bà Vũ Thị Hạnh (tức Hành) được hưởng di sản thừa kế của cụ Tu là 1.262.000.000 đồng.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng 411m^2 (đo thực tế là 391m^2) đất ao tại tờ bản đồ số 63, thửa số 13 có địa chỉ tại Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ao giữa ông Vũ Hải Tần và bà Phạm Thị Lê với ông Trần Văn Phúc của bà Vũ Thị Hạnh.

1.5. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ao giữa ông Vũ Hải Tần và bà Phạm Thị Lê với ông Trần Văn Phúc.

1.6. Phân chia bằng hiện vật:

Giao cho bà Vũ Thị Hạnh (tức Hành) 120.7 m^2 đất sử dụng riêng và 11m^2 đất sử dụng chung; trên đất có 01 công trình vệ sinh, một tường rào tôn, một tường rào B40; thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 63 bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 tại thôn Hoàng Xã, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

(Có sơ đồ kèm theo).

Gia đình ông Vũ Hải Tần có trách nhiệm bàn giao tài sản trên cho bà Vũ Thị Hạnh.

Bà Hạnh có trách nhiệm trả vợ chồng ông Tần số tiền 15.011.836 đồng giá trị tài sản trên đất.

Kể từ ngày thanh toán xong các khoản tiền; bà Vũ Thị Hạnh (tức Hành) là người được quản lý sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để làm thủ tục tách thửa và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị Hạnh; ông Vũ Hải Tần, bà Phạm Thị Lê.

2.2. Án phí phúc thẩm:

Bà Vũ Thị Hạnh (tức Hành) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Như Lâm